TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2026/DS-ST
Ngày: 19/01/2026
"*V/v tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Nguyệt Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

2. Bà **Đinh Thị Kim Phụng**.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hồ Hải Hương - thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp: không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 699/2025/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 567/2025/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thị Minh Ch, sinh năm: 19xx**.**

Địa chỉ: Ấp L1, xã GT, tỉnh ĐT.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 19xx. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 39B MVT, phường LT, tỉnh ĐT.

2. Bị đơn: Nguyễn Thanh S, sinh năm: 19xx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp XL, xã GT, tỉnh ĐT.

3. Người làm chứng: Phạm Thị Kim X, sinh năm: 19xx. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L1, xã GT, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị*

Trương Thị Minh Ch là ông Nguyễn Văn D trình bày: Qua quen biết chị Ch có cho anh S vay tiền cụ thể như sau: Ngày 10/12/2023 chị Ch có cho anh S vay số tiền 160.000.000 đồng khi vay có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay khoảng 03 tháng, sau khi vay đến hạn trả nợ anh S trả được 5.000.000 đồng tiền vốn. Còn nợ lại số tiền 155.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Sơn nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 155.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ chứng minh: Giấy mượn tiền ngày 10 tháng 12 năm 2023.

** Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:* Khi ông vay tiền ông hỏi vay tiền của cháu X, ông vay tiền 02 lần lần 01 là vay 100.000.000 đồng, lần 02 vay 60.000.000 đồng khi vay tiền cháu Xuyến là người trực tiếp đưa tiền cho ông. Nhưng sau đó ông có ký tên vào biên nhận nợ cho chị Ch xác nhận nợ số tiền 160.000.000 đồng. Sau khi vay ông đã trả được 5.000.000 đồng tiền vốn và 86.800.000 đồng tiền lãi. Nay xác định còn nợ chị Ch số tiền 155.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Tại bản tự khai và trong suốt quá trình tố tụng người làm chứng chị Phạm Thị Kim Xuyến trình bày:* Ngày 10/12/2023 anh S có vay của chị Trương Thị Minh Ch số tiền 160.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, thời hạn vay khoản 02 đến 03 tháng. Việc vay tiền có làm giấy mượn tiền, chị là người trực tiếp chứng kiến việc vay tiền, giao nhận tiền, viết giấy mượn tiền và ký tên vào giấy mượn tiền với tư cách là người làm chứng. Nay chị xác định anh S có vay chị Ch số tiền 160.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[I] Về tố tụng:

Quan hệ mà các bên đang tranh chấp là *"Hợp đồng dân sự vay tài sản"* được qui định tại điều 463 Bộ luật Dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Dũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Dũng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Về nội dung:

1/ Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Minh Ch về việc yêu cầu anh Nguyễn Thanh S trả số tiền tiền vay còn nợ là 155.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh S thừa nhận có vay của chị Xuyến số tiền 160.000.000 đồng nhưng có ký tên vào "giấy mượn tiền ghi ngày 10/12/2023" với chị Trương Thị Minh Ch. Trong quá trình giải quyết vụ án phía chị X trình bày chị chỉ là nhân chứng chứng kiến việc chị Ch cho ông Sơn vay số tiền 160.000.000 đồng và ông Sơn có ký tên vào giấy mượn tiền với chị Ch, nay chị xác định chị không có cho ông Sơn vay tiền mà người cho ông Sơn vay tiền là chị Ch. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Ch là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

2/ Tại phiên tòa phía ông Sơn có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét việc ông đã trả lãi cho chị X số tiền 86.800.000 đồng để trừ vào khoản tiền vốn vay còn nợ với chị Ch, chứng cứ ông cung cấp cho Tòa án là tờ giấy viết tay (bản photo) ghi lời trình bày của chị Xuyến thừa nhận "… có trả 9 tháng tiền lãi rồi ngưng đến nay.". Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Sơn vay tiền là vay của chị Ch, trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn chị Ch không thừa nhận việc trả lãi, phía ông Sơn cũng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh việc mình đã trả lãi cho chị Ch nên yêu cầu của ông Sơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

3/ Về yêu cầu tính lãi: Phía nguyên đơn chị Ch không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Xét yêu cầu chị Ch về thời gian trả số tiền 155.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay anh S xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, phía nguyên đơn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trả một lần. Hội đồng xét xử xét thấy theo nguyên đơn trình bày thời hạn vay là 03 tháng nhưng đến nay đã quá hạn trả nợ mà anh S xin trả dần là không có cơ sở chấp nhận nên yêu cầu của chị Ch về thời hạn trả nợ là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị Ch được Hội đồng xét xử chấp nhận nên của chị Ch không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Minh Ch.

- Buộc anh Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ trả cho chị Trương Thị Minh Ch số tiền vay còn nợ tổng cộng là 155.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu đồng). Thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ khi chị Trương Thị Minh Ch có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Thanh S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 7.750.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Trương Thị Minh Ch số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 3.875.000 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003234 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

LÊ THỊ NGUYỆT HỒNG